

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2021

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nh

2. Ông Hà Minh T

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1994 (có mặt).

HKTT: ấp Hai V, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: ấp Ông Quới, xã T Phước, huyện T Hóa, tỉnh Long An.

2. ***Bị đơn:*** anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Hai V, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Chị và anh T yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2018 vợ chồng không hợp tính tình nên thường cự cãi với nhau, đến tháng 10/2020 chị bỏ về cha mẹ ruột sinh sống. Nay chị xin ly hôn anh T.

Con chung, chị và anh T có 02 con gồm: cháu Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 22/12/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/5/2015. Sau khi sống ly thân thì cháu Nhân, Đ sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 trình bày: Anh và chị H có tìm hiểu được khoảng 03 năm mới tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó do anh đi làm thợ hồ công việc không thường xuyên nên thu nhập không ổn định, do đó anh với chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay và chị H đưa con về cha mẹ ruột sinh sống. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Quá trình chung sống, anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Trọng Nhân, sinh năm 2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2015 hiện nay đang sống với chị H. Nay anh yêu cầu nuôi 02 con Nhân và Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng, còn nếu chị H nuôi 02 con anh chấp nhận nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đảm bảo đúng thời gian đưa vụ án xét xử, thủ tục cấp tổng Đ đúng quy định pháp luật và thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định, đảm bảo các nguyên tắc xét xử theo quy định Điều 49, 51 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Phía bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết V án:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Thanh T chung sống từ năm 2013 và đăng ký kết hôn ngày 29/10/2018 tại UBND xã Kiến B là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị H và anh T sống có hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và tính tình không hợp nhau. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 anh T khai anh làm thợ hồ công việc không thường xuyên, nên thu nhập không ổn định từ đó anh với chị H xảy ra mâu thuẫn, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh T.

Về con chung chị H và anh T thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 22/12/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/5/2015 đang sống chung chị H. Xét thấy anh T làm thợ hồ tuy có thu nhập nhưng công việc không ổn định, giờ giấc không đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dạy 02 con, cũng như chị H và 02 con về nhà cha mẹ ruột sống thì anh T không quan tâm tới lui chăm sóc. Còn chị H hiện tại công việc đi cắt lục B có thu nhập 200.000đồng/ngày và được cha mẹ của chị H phụ giúp nuôi dưỡng 02 con. Hơn nữa 02 con của chị H đã thích nghi với môi trường sống ở gia đình cha mẹ chị H. Ngoài ra cháu Nhân có nguyện vọng sống với mẹ là phù hợp, còn cháu Đ mới 6 tuổi nên chưa đưa ra ý kiến của mình là sống với cha hay mẹ, nhưng trong cuộc sống cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và sau khi chị H và anh T sống ly thân thì cháu Đ hiện nay đang sống với chị H. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị H là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không đồng ý, nhưng theo quy định thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị H, buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T khai không có, nên không đề cập.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đối với anh Nguyễn Thanh T, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định xét xử số:12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021 (lần 1) và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 (lần 2), nhưng anh T cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn ngày 29/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, nay chị H xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung Vụ án:

2.1 Về hôn nhân:

Chị H và anh T có tìm hiểu được khoảng 01 năm và chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2018 đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị H cùng với anh T về sống tại ấp Hai V, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An, trong thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị H trình bày khi anh T đi nhậu về đến nhà hay kiếm chuyện cự cãi rồi đánh đập chị. Còn anh T tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 trình bày do làm nghề thợ hồ công việc làm không được thường xuyên nên thu nhập không ổn định, từ đó chị H kiếm chuyện cự cãi với anh rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống từ năm 2020 đến nay.

2.2 Xét thấy trong thời gian chung sống ngoài việc chị H và anh T không hiểu tính tình với nhau, còn công việc làm hồ của anh T không được thường xuyên, cũng như lúc anh nhậu về hay kiếm chuyện cự cãi với chị H. Còn phía chị H không hiểu công việc làm của anh để khéo léo, động viên anh T cố gắng làm ăn cùng nhau chăm lo kinh tế gia đình. Ngược lại chị H có những lời nói không được tế nhị, từ đó dẫn đến mâu thuẫn tình cảm hai bên ngày càng trầm trọng, cho nên hai bên sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Ngoài ra, sau khi chị H bỏ về cha mẹ

ruột sinh sống ly, trong thời gian này anh T không tới lui thăm hỏi và chăm sóc vợ con. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H với anh T không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không Đ được, cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 anh T đồng ý ly hôn với chị H. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H với anh T là tự nguyện và phù hợp pháp luật theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 của anh T và lời khai của chị H tại phiên tòa thì hai bên thống nhất có 02 người con chung gồm: cháu Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/5/2015, tuy nhiên cả hai chị H và anh T đều có yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Xét thấy anh T làm nghề thợ hồ tuy có thu nhập nhưng nguồn thu nhập không được thường xuyên, cũng như về giờ giấc đối với việc làm của anh không đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy 02 con chung. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 anh T trình bày khi chị H bỏ đi dẫn theo cháu Nhân và cháu Đ, nên anh đồng ý cho chị H nuôi con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2021 của cháu Nhân có nguyện vọng sống với chị H là phù hợp khoản 2 Điều 81 LHNGĐ năm 2014 quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Nhân của chị H là có cơ sở.

3.1 Còn đối với cháu Đ thì từ khi chị H sống ly thân với anh T thì cháu Đ sinh sống với chị H, còn về công việc hiện nay chị H đi cắt lức bình bán có thu nhập 200.000đồng/ngày, cũng như cha mẹ chị H phụ giúp với chị nuôi cháu Nhân và cháu Đ. Hơn nữa để tránh sự xáo trộn T lý và thay đổi chỗ ở của cháu Đ, tại phiên tòa chị H yêu cầu nuôi cháu Đ là phù hợp với ý kiến trình bày của anh T. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 LHNGĐ năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin nuôi 02 con chung tên là Nguyễn Trọng Nhân và Nguyễn Tấn Đ theo đề nghị của Kiểm sát viên.

3.2 Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật, còn phía anh T không đồng ý. Xét thấy từ khi chị H sống ly thân anh T thì cháu Nhân và cháu Đ sống chung với chị H, cũng như cháu Nhân và cháu Đ hiện nay đang học Trường tiểu học ấp Hai V, xã Kiến B, huyện Tân T, nên cần có khoản chi phí phù hợp cho sinh hoạt và học tập của 02 cháu. Ngoài ra việc nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha và mẹ, nên cha và mẹ không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng cho con. Hơn nữa anh T khai với nghề thợ hồ của anh không thường xuyên mà nếu anh T nuôi con chưa

không đảm bảo cuộc sống của con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con của chị H, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhân, cháu Đ mỗi tháng 745.000đồng/01 tháng /01 con theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

Về thời gian cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con từ tháng 07/2021. Xét thấy từ khi chị H và anh T sống ly thân đến nay anh T không quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, do đó chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng từ tháng 07/2021 cho đến khi cháu Nhân và cháu Đ trưởng thành tròn 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 anh T khai không và tại phiên tòa chị H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Thanh T.

2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H được nuôi 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/5/2015 (hiện nay đang sống với chị H).

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Nhân và cháu Nguyễn Tấn Đ, mỗi tháng 745.000đồng/01 tháng/01con. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ tháng 7/2021 cho đến khi con trưởng thành tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H nộp theo biên lai số 0001415 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ V án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H